

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST

Ngày: 19/3/2026

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Tỷ

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2025/TLST-DS, ngày 16/10/2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/206/QĐXX-ST ngày 06/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Quang B (*Có mặt*), sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn D (*Vắng mặt*), sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn (ông Tô Quang B) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do có quen biết nhau, ông Vũ Văn D nói đang cần vốn để đầu tư làm ăn, kinh doanh nên ông Vũ Văn D có gặp ông B và hỏi mượn số tiền 200.000.000 đồng, ông B đồng ý và đã cho ông Vũ Văn D vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/12/2022, với lãi suất là 2%/tháng. Sau khi thỏa thuận xong ông B và anh D có ký hợp đồng cầm đồ vay tiền, ông D có cầm cố cho ông B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB116521, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 36, diện tích 5.982m², địa chỉ thửa đất tại xã Đăk Ha, huyện Đăk Nông, tỉnh Đăk Nông cũ, do UBND huyện Đăk Nông cũ cấp cho hộ ông Vũ Văn D và 01 bản

gốc sổ hộ khẩu đứng tên ông Vũ Văn D và có lập hợp đồng cầm đồ viết tay có ký nhận của ông B và ông D, không công chứng, chứng thực và không tiến hành việc đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản tiền mà ông B cho ông Vũ Văn D vay là khoản tiền của riêng của ông B không liên quan đến ai khác và việc vay mượn tiền này thì chỉ có ông B và ông D biết; Trong 03 tháng đầu tiên (tháng 7, 8 và 9) khi vay, ông D đã trả lãi cho ông B được tổng cộng 12.000.000 đồng, sau đó không trả tiền lãi nữa. Hiện ông B vẫn đang giữ 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 bản gốc sổ hộ khẩu gia đình đứng tên ông Vũ Văn D mà ông D đã cầm cố cho ông B. Đến thời hạn trả nợ, ông B đã đến gặp yêu cầu ông D trả số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo thỏa thuận nhưng ông D cứ hứa hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không thanh toán cho ông B. Nay, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn D phải trả cho ông B số tiền gốc đã vay còn nợ là 200.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật (lãi trong hạn là 20%/năm của 03 tháng còn lại và lãi quá hạn là 10%/năm) cho đến khi trả nợ xong và ông B đồng ý trả lại 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 bản gốc sổ hộ khẩu cho ông Vũ Văn D.

Theo lời trình bày của bị đơn (ông Vũ Văn D) trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Vũ Văn D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với bị đơn không có mặt, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Quang B đối với ông Vũ Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông Vũ Văn D phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tô Quang B số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Tô Quang B khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn D phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn thường trú và sinh sống tại tổ dân phố B, phường B, tỉnh L. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

[2]1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Vũ Văn B vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để có mặt tại phiên tòa nhưng ông B đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3]2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay (200.000.000 đồng) và thời hạn trả nợ:

Theo lời trình bày của nguyên đơn (ông Tô Quang B) thể hiện: Vào ngày 13/6/2022 tại nhà ông B, ông B đã cho ông D vay số tiền 200.000.000 đồng với thời hạn vay 06 tháng từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/12/2022, với lãi suất là 2%/tháng. Sau khi thỏa thuận xong ông B và anh D có ký hợp đồng cầm đồ, ông D có cầm cố ông B 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 bản gốc sổ hộ khẩu gia đình đứng tên hộ ông Vũ Văn D; khi vay tiền chỉ có ông B và ông D không có ai khác, đây là tài sản riêng của ông B và là việc làm ăn riêng giữa ông B và ông D. Đến thời hạn trả nợ ngày 13/12/2022, ông D không trả cho ông B số tiền gốc 200.000.000 đồng đã vay, ông B đã nhiều lần đến gặp để yêu cầu ông D phải trả cho ông B số tiền đã vay nhưng ông D vẫn không trả cho ông B, còn cố tình né tránh, không hợp tác; ông B có cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc giấy vay tiền (hợp đồng cầm đồ) đề ngày 13/6/2022, có ký nhận của ông Vũ Văn D.

Theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có việc giao kết hợp đồng vay tiền, hình thức và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ (ngày

13/12/2022) thì bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã giao kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

[4]2.2. Về khoản tiền lãi phải thanh toán (lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn):

Theo nguyên đơn trình bày và giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì thời hạn vay tiền từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/12/2022 (06 tháng) vay với lãi suất 02%/tháng và ông D đã thanh toán cho ông B được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 12.000.000 đồng và sau đó không trả tiền lãi nữa là vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không quá 20%/năm, đối với khoản tiền lãi (03 tháng) mà ông D đã trả cho ông B có lãi suất (02%/tháng) vượt quá quy định nhưng ông D không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét đối với phần tiền lãi đã thanh toán, đối với khoản tiền lãi trong hạn của 03 tháng còn lại sẽ được áp dụng với mức lãi suất 20%/năm tương đương với số tiền là 10.020.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng}$); kể từ ngày 14/12/2022, khoản tiền vay chuyển sang quá hạn nên ông D phải chịu lãi quá hạn đối với số tiền gốc chưa thanh toán, do các bên không thỏa thuận về tiền lãi quá hạn nên mức lãi suất quá hạn được áp dụng là 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; ông B chỉ yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền lãi quá hạn từ ngày 14/12/2022 đến ngày 14/3/2026 (39 tháng) tương đương với số tiền là 64.740.000 đồng ($39 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng}$). Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi phải thanh toán với tổng số tiền là 74.760.000 đồng.

[5]2.3. Đối với 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB116521, đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 36, diện tích 5.982m², địa chỉ thửa đất tại xã Đăk Ha, huyện Đăk Nông, tỉnh Đăk Nông cũ, do UBND huyện Đăk Nông cũ cấp cho hộ ông Vũ Văn D và 01 sổ hộ khẩu gia đình số 170168794 đứng tên ông Vũ Văn D: Khi vay tiền, viết giấy cầm đồ thì ông Vũ Văn D có giao cho ông Tô Quang B giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên ông Vũ Văn D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu gia đình không phải là tài sản nên không phải là đối tượng của hợp đồng cầm cố tài sản mặc dù các giấy tờ này thuộc quyền sở hữu của ông D; đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi giao kết hợp đồng các bên chỉ viết giấy tờ tay không tiến hành các thủ tục ký hợp đồng được công chứng, chứng thực, không tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm nên giao kết này của các bên không có hiệu lực pháp luật. Ông B cũng đồng ý trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản gốc sổ hộ khẩu cho ông D nên ông B phải trả lại 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 bản gốc sổ hộ khẩu cho ông Vũ Văn D.

[6]3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là

13.738.000 đồng (274.760.000 đồng x 5%). Trả lại cho ông Tô Quang B số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng.

[7]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 309, Điều 310, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Tô Quang B) đối với bị đơn (ông Vũ Văn D) về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Vũ Văn D phải thanh toán cho ông Tô Quang B tổng số tiền là 274.760.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó: số nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.020.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 64.740.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Tô Quang B phải trả lại cho ông Vũ Văn D 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB116521, đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 36, diện tích 5.982m², địa chỉ thửa đất tại xã Đăk Ha, huyện Đăk Nông, tỉnh Đăk Nông cũ, do UBND huyện Đăk Nông cũ cấp cho hộ ông Vũ Văn D và 01 bản gốc sổ hộ khẩu gia đình số 170168794 đứng tên hộ ông Vũ Văn D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.738.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng). Trả lại cho ông Tô Quang B số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005366 ngày 15/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6-Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 6-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung D